Lớp Phật Pháp Buddhadhamma
Môn học: PĀLI PHÁP CÚ

Bài học chủ nhật 4.9.2022

IV. Phẩm Hoa_ Kệ số 15 và 16 (dhp 58, 59)

Duyên sự:

Hai bài kệ nầy đức Phật thuyết ở Sāvatthi khi Ngài trú tại chùa Jetavana, nhân câu chuyện ông Garahadinna một đệ tử ngoại đạo Nigantha.

Ông Garahadinna là bạn thâm giao với ông Sirigutta là một cận sự nam đệ tử Phật.

Garahadinna khoe với Sirigutta về đức hạnh và tài tiên tri của các du sĩ Nigantha. Ông ta rù quến Sirigutta hãy cúng dường hộ độ các du sĩ Nigantha đạo tín ngưỡng của ông ta.

Nhiều lần ông ta xúi giục nhưng thiện nam Sirigutta vẫn im lặng. Rồi một ngày nọ thiện nam Sirigutta nhờ Garahadinna mời các Nigandha về nhà mình để cúng dường, nghĩ rằng nếu quả thật các Nigandha biết quá khứ vị lai sẽ không đi vào nhà mình. Thiện nam Sirigutta mấy ngày trước đã cho đào một cái hố rộng ở sân nhà và đổ đầy bùn dơ, trên nguỵ trang lớp ván và trải thảm. Rốt cuộc các du sĩ Nigandha đã một phen lội bùn.

Garahadinna rất căm giận Sirigutta. Thời gian sau vờ thân thiện lại và để trả thù bèn nhờ Sirigutta thỉnh Phật cùng 500 tỳ kheo về nhà cúng dường. Garahadinna cũng cho đào một hầm sâu, tạo thành hầm lửa than mục đích để thiêu chết đức Phật và chúng tỳ kheo.

Sáng hôm sau, đức Thế tôn cùng chúng thinh văn đến nhà của ông Garahadinna, Ngài biết rõ ý đồ của ông ta nhưng Ngài vẫn ung dung bước đi trên sàn hố lửa khi những tấm ván lót bị sụp thì từ hầm lửa mọc lên những đoá sen đỡ chân đức Phật, chư thinh văn cũng bước trên những đoá sen ấy mà đi vào nhà an toàn.

Chúng kiến cảnh tượng ấy Garahadinna phát sanh phỉ lạc, khởi lòng tịnh tín nơi tam bảo, liền tự tay cúng dường thực phẩm đến đức Phật và chư Tăng. Sau khi

thọ thực xong đức Phật đã thuyết pháp tuỳ hỷ công đức của thí chủ với hai bài kệ: *"Yathā saṅkāradhānasmiṃ ... sammāsambuddhasāvako"*. Dứt bài pháp cả hai ông Sirigutta và Garahadinna đều chứng quả dự lưu.

*

Chánh văn:

Yathā saṅkāradhānasmiṃ
ujjhitasmiṃ mahāpathe
padumaṃ tattha jāyetha
sucigandhaṃ manoramaṃ.

(dhp 58)

Evaṃ saṅkārabhūtesu
andhabhūte puthujjane
atirocati paññāya
sammāsambuddhasāvako.

(dhp 59)

*

Thích văn:

yathā [trạng từ] như thể, như là.

saṅkāradhānasmiṃ [định sở cách số ít trung tính của hợp thể danh từ **saṅkāradhāna** (saṅkāra + dhāna)] bãi rác, đống rác.

ujjhitasmiṃ [định sở cách số ít trung tính của quá khứ phân từ **ujjhita** (ujjha + i + ta)] bị đổ bỏ, bị vất bỏ.

mahāpathe [định sở cách số ít nam tính của hợp thể danh từ **mahāpatha** (mahā + patha)] trên đường cái, trên đại lộ.

padumaṃ [chủ cách số ít của danh từ trung tính **paduma**] hoa sen.

tattha [trạng từ] tại đấy, tại chỗ đó.

jāyetha [động từ khả năng cách ngôi III số ít hình thức *attanopada* (√jan + ya)] có thể sanh lên.

sucigandhaṃ [chủ cách số ít trung tính của hợp thể tính từ **sucigandha** (suci + gantha)] có hương tinh khiết, mùi thơm sạch.

manoramaṃ [chủ cách số ít trung tính của hợp thể tính từ **manorama** (mana + rama)] thích ý, hài lòng.

evaṃ [trạng từ] như vậy.

saṅkārabhūtesu [định sở cách số nhiều nam tính của hợp thể danh từ **saṅkārabhūta** (saṅkāra + bhūta)] giữa những chúng sanh tạp nhiễm, giữa quần sanh rác rưởi.

andhabhūte [định sở cách số ít của hợp thể danh từ **andhabhūta** (andha + bhūta)] những kẻ mù, những kẻ tối tâm.

puthujjane [định sở cách số ít của hợp thể danh từ nam tính **puthujjana** (puthu + jana)] phàm tục, hạng phàm phu.

atirocati [động từ hiện tại ngôi III số ít (ati + √ruc + a)] rực sáng, sáng ngời, chói lọi, rực rỡ.

paññāya [sở dụng cách số ít của danh từ nữ tính **paññā**] với trí tuệ.

sammāsambuddhasāvako [chủ cách số ít của hợp thể danh từ nam tính (sammāsambuddha + sāvaka)] vị đệ tử của bậc Chánh đẳng giác.

*

Việt văn:

Như tại bãi rác nhớp
đổ bỏ bên đường cái
tại đấy hoa sen nở
thơm sạch, hài lòng người.

Cũng vậy, giữa bẩn thỉu
chúng sanh mù, phàm tục
đệ tử bậc chánh giác
sáng ngời với trí tuệ.

(pc 59)

*

Chuyển văn:

Yathā saṅkāradhānasmiṃ mahāpathe ujjhitasmiṃ tattha sucigandhaṃ manoramaṃ padumaṃ jāyetha.

Như tại bãi rác bẩn đổ bỏ bên con đường lớn, tại đấy có thể hoa sen thơm tinh khiết, vừa ý, mọc lên.

Evaṃ saṅkārabhūtesu sammāsambuddhasāvako andhābhūte puthujjane paññāya atirocati.

Cũng vậy, giữa đám người rác rưởi tăm tối, phàm tục, đệ tử bậc Chánh giác toả sáng với trí tuệ.

*

Lý giải:

Giữa cuộc đời ô trược nầy, trong đám người phàm tục mê tăm tối, vẫn có những người toả sáng nhờ trí tuệ giác ngộ pháp của bậc chánh đẳng giác tuyên thuyết. Những người ấy chính là các thinh văn đệ tử Phật. Họ cũng ví như loài hoa sen mọc lên từ bùn nhơ tăm tối, không hôi tanh mùi bùn, lại có hương thơm tinh khiết, được mọi người thích thú hài lòng.

Con người ở bất cứ giai cấp nào trong xã hội, hể biết sống hướng thiện, thấy được nguy hiểm của các dục, viễn ly các dục, ngộ chân tướng pháp hữu vi là vô thường, khổ, vô ngã *..v.v..* Thời con người ấy cũng thoát được luân hồi đau khổ. Đó gọi là người toả sáng với trí tuệ.

Dứt phẩm thứ tư - phẩm hoa

Biên soạn giáo trình: Tỳ khưu Tuệ Siêu